

Số: /BC-UBND

Bình Phước, ngày tháng năm 2021

## BÁO CÁO

### Về việc thẩm tra hồ sơ đề nghị xét, công nhận **huyện Chơn Thành** đạt chuẩn huyện nông thôn mới năm 2020

Kính gửi:

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương.

*Căn cứ Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 05/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành tiêu chí huyện nông thôn mới và quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới;*

*Căn cứ Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;*

*Căn cứ Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính Phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;*

*Căn cứ Quyết định số 2540/QĐ-TTg ngày 30/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục xét, công nhận và công bố địa phương đạt chuẩn nông thôn mới; địa phương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;*

*Căn cứ Quyết định số 69/QĐ-BNN-VPĐP ngày 09/01/2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành sổ tay hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;*

*Căn cứ Quyết định số 394/QĐ-BNN-VPĐP ngày 19/01/2021 của của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc tiếp tục thực hiện và đánh giá kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới trong năm 2021;*

*Theo đề nghị của UBND huyện Chơn Thành tại Tờ trình số 90/TTr-UBND ngày 21/7/2021 về việc thẩm định, đề nghị xét, công nhận huyện Chơn Thành đạt chuẩn huyện nông thôn mới năm 2020;*

Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ, đề nghị xét công nhận **huyện Chơn Thành** đạt chuẩn huyện nông thôn mới năm 2020, cụ thể như sau:

**PHẦN THỨ NHẤT**  
**KẾT QUẢ THẨM TRA**

## I. THỜI GIAN THẨM TRA

Thời gian thẩm tra và hoàn thiện hồ sơ: từ ngày 22/7/2021 đến ngày /9/2021.

## II. VỀ HỒ SƠ

### 1. Về việc đăng ký huyện đạt chuẩn xây dựng nông thôn mới

- Về thời gian hoàn thiện: **UBND huyện Chơn Thành** đã hoàn thiện hồ sơ và trực tiếp gửi về Văn phòng Điều phối Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới (XDNTM) tỉnh; đạt yêu cầu quy định tại Điều 11, Chương III, Quyết định số 2540/QĐ-TTg ngày 30/12/2016 của Thủ tướng Chính về việc ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục xét, công nhận và công bố địa phương đạt chuẩn nông thôn mới; địa phương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020 (viết tắt là Quyết định số 2540/QĐ-TTg).

- Về quy trình gửi văn bản: **UBND huyện Chơn Thành** gửi Công văn đăng ký về Văn phòng Điều phối Chương trình MTQG XDNTM tỉnh; đạt yêu cầu quy định tại Điều 11, Chương III, Quyết định số 2540/QĐ-TTg.

- Về điều kiện để ký xác nhận: sau khi nhận được Công văn đăng ký của **UBND huyện Chơn Thành** về việc huyện đạt chuẩn nông thôn mới năm 2020, UBND tỉnh thống nhất đưa vào kế hoạch **UBND huyện Chơn Thành** đạt chuẩn huyện XDNTM năm 2020; đạt yêu cầu quy định tại Điều 11, Chương III, Quyết định số 2540/QĐ-TTg.

### 2. Về yêu cầu của Quy trình đánh giá

Việc đánh giá mức độ huyện đạt chuẩn nông thôn mới của **huyện Chơn Thành** đảm bảo công khai, dân chủ, minh bạch, đúng trình tự thủ tục, có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, tổ chức và cá nhân.

Các tài liệu chứng minh, đánh giá kết quả thực hiện các tiêu chí và lấy ý kiến các tổ chức, nhân dân được tập hợp, phân loại, lưu trữ đầy đủ.

Hồ sơ của **UBND huyện Chơn Thành** đầy đủ theo Quyết định số 2540/QĐ-TTg. Hồ sơ gồm:

- Tờ trình số 90/TTr-UBND của **UBND huyện Chơn Thành** ngày 21/7/2021 về việc đề nghị thẩm tra xét công nhận, công bố **huyện Chơn Thành** đạt chuẩn huyện nông thôn mới năm 2020.

- Báo cáo số 105/BC-UBND ngày 19/7/2021 của **UBND huyện Chơn Thành** về việc báo cáo kết quả thực hiện XDNTM năm 2020 của **huyện Chơn Thành**.

- Báo cáo số 104/BC-UBND ngày 19/7/2021 của **UBND huyện Chơn Thành** về việc tổng hợp ý kiến tham gia vào dự thảo báo cáo kết quả XDNTM năm 2020 của **huyện Chơn Thành**.

- Biên bản họp ngày 20/7/2021 của **UBND huyện Chơn Thành** về việc họp đề nghị xét, công nhận **huyện Chơn Thành** đạt chuẩn huyện NTM năm 2020.

- Báo cáo số 106/BC-UBND ngày 19/7/2021 của **UBND huyện Chơn Thành** về việc tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong XDNTM trên địa bàn **huyện Chơn Thành**

- Bản tổng hợp danh sách các xã đạt chuẩn trên địa bàn **huyện Chơn Thành**.
- Hình ảnh minh họa kết quả XDNTM của **huyện Chơn Thành**.

### **3. Tổ chức tự đánh giá**

a) Việc tổng hợp các xã đạt chuẩn nông thôn mới và kết quả XDNTM toàn **huyện Chơn Thành**:

- Tổng số xã trên địa bàn thị xã: 08 xã.
- Số xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới: 08 xã (01 xã nâng cao).
- Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới: 100%.
- Các xã đã được Chủ tịch UBND tỉnh công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới tại các Quyết định sau:

<b>STT</b>	<b>Xã</b>	<b>Năm công nhận đạt chuẩn</b>	<b>Số Quyết định công nhận đạt chuẩn</b>
1	Xã Minh Thành	2015	Quyết định số 2552/QĐ-UBND ngày 13/11/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước
2	Xã Minh Hưng	2016	Quyết định số 3039/QĐ-UBND ngày 28/11/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước
		2021	Quyết định số 488/QĐ-UBND ngày 23/01/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước về việc công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao
3	Xã Thành Tâm	2017	Quyết định số 3293/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước
4	Xã Minh Long	2018	Quyết định số 2944/QĐ-UBND ngày 27/12/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước
5	Xã	2019	Quyết định số 85/QĐ-UBND ngày 15/01/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh

	Minh Thắng		Bình Phước
6	Xã Minh Lập	2019	Quyết định số 86/QĐ-UBND ngày 15/01/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước
7	Xã Nha Bích	2020	Quyết định số 3276/QĐ-UBND ngày 25/12/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước
8	Xã Quang Minh	2020	Quyết định số 3273/QĐ-UBND ngày 25/12/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước

Việc tổng hợp các xã đạt chuẩn nông thôn mới và kết quả XDNTM của **UBND huyện Chơn Thành** đạt yêu cầu quy định tại Quyết định số 2540/QĐ-TTg. Việc **UBND huyện Chơn Thành** đề nghị đạt chuẩn là đảm bảo yêu cầu.

b) Việc tổng hợp và xây dựng số liệu báo cáo:

**UBND huyện Chơn Thành** đã giao Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện chủ trì, phối hợp với các phòng, UBND các xã trong huyện tiến hành tổng hợp kết quả XDNTM và xây dựng báo cáo theo đúng hướng dẫn tại Quyết định số 2540/QĐ-TTg.

#### 4. Về đối tượng thời gian tổ chức lấy ý kiến

Sau khi hoàn thành dự thảo báo cáo kết quả thực hiện “Huyện đạt chuẩn xây dựng nông thôn mới năm 2020”, **UBND huyện Chơn Thành** gửi Báo cáo kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới để lấy ý kiến Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện. Đồng thời, **UBND huyện** cũng báo cáo kết quả thực hiện trên phương tiện thông tin đại chúng, công thông tin điện tử huyện để xin góp ý của các cơ quan, tổ chức và người dân trên địa bàn huyện, thời gian là 15 ngày.

Đối chiếu theo Quyết định số 2540/QĐ-TTg, **UBND huyện Chơn Thành** đạt yêu cầu về đối tượng, thời gian tổ chức lấy ý kiến

#### 5. Việc xin ý kiến “Huyện đạt chuẩn nông thôn mới năm 2020” **UBND huyện Chơn Thành**

Sau khi tiếp thu các ý kiến đóng góp của các tổ chức và người dân, **UBND huyện Chơn Thành** đã tiếp tục hoàn thiện báo cáo kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới theo yêu cầu tại Quyết định số 2540/QĐ-TTg. Do ảnh hưởng dịch Covid và địa phương đang thực hiện Chỉ thị 16 của Thủ tướng Chính phủ, ngày 20/7/2021, Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG XDNTM huyện đã tiến hành tổ chức họp trực tiếp bỏ phiếu đề nghị xét, công nhận **huyện Chơn Thành** đạt chuẩn huyện nông thôn mới năm 2020.

Số thành viên tham gia cuộc họp: 40 thành viên (Tổng số 40 thành viên; vắng 0 thành viên).

Kết quả bỏ phiếu: có 40/40 thành viên đồng ý đề nghị công nhận **huyện Chơn Thành** đạt chuẩn huyện nông thôn mới năm 2020.

Đối chiếu theo Quyết định số 2540/QĐ-TTg, việc **huyện Chơn Thành** họp Ban Chỉ đạo và các thành viên có liên quan tiến hành bỏ phiếu lấy ý kiến là đảm bảo khối lượng, thành phần đúng quy định.

## **6. Việc xin ý kiến “**Huyện Chơn Thành** đạt chuẩn huyện nông thôn mới năm 2020” của tỉnh**

- Ngày 16/10/2021, Văn phòng Điều phối Chương trình MTQG XDNTM tỉnh ban hành Công văn số 90/VPĐP về việc công bố thông tin **huyện Chơn Thành** đủ điều kiện trình Thủ tướng Chính phủ công nhận **huyện Chơn Thành** đạt chuẩn huyện nông thôn mới năm 2020 để người dân được biết và tham gia ý kiến.

- Ngày 16/10/2021, Văn phòng Điều phối Chương trình MTQG XDNTM tỉnh ban hành Công văn số 91/VPĐP để lấy ý kiến các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố đối với dự thảo Báo cáo thẩm tra **huyện Chơn Thành** đạt chuẩn huyện nông thôn mới năm 2020, thời gian góp ý 07 ngày (*kể từ ngày ra thông báo*). Kết quả: 100% các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố và nhân dân đồng ý 100% đối với việc “**huyện Chơn Thành**”.

## **7. Về hồ sơ**

Hồ sơ của UBND **huyện Chơn Thành** về đề nghị xét, công nhận **huyện Chơn Thành** đạt chuẩn huyện nông thôn mới năm 2020, gồm:

- Tờ trình đề nghị thẩm tra xét công nhận, công bố **huyện Chơn Thành** đạt chuẩn huyện nông thôn mới năm 2020.

- Tổng hợp danh sách các xã đạt chuẩn trên địa bàn **huyện**.

- Báo cáo kết quả **huyện Chơn Thành** đạt chuẩn huyện nông thôn mới năm 2020.

- Báo cáo tổng hợp ý kiến tham gia vào dự thảo báo cáo kết quả XDNTM năm 2020 của huyện.

- Biên bản họp đề nghị xét, công nhận **huyện Chơn Thành** đạt chuẩn huyện nông thôn mới năm 2020.

- Báo cáo tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong XDNTM trên địa bàn huyện.

- Hình ảnh minh họa kết quả XDNTM của huyện.

Đối chiếu theo Quyết định số 2540/QĐ-TTg ngày 30/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ, việc UBND **huyện Chơn Thành** xây dựng hồ sơ đạt yêu cầu.

## **IV. KẾT QUẢ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI HUYỆN CHƠN THÀNH**

### **1. Về kết quả huy động nguồn lực**

Trong giai đoạn 2011-2020, tổng nguồn lực xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện là 709,003 tỷ đồng. Trong đó:

- Vốn ngân sách 629,585 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 88,8% gồm:
  - + Nguồn trái phiếu Chính phủ: 8,613 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 1,2%.
  - + Ngân sách Trung ương: 55,034 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 7,8%.
  - + Ngân sách tỉnh: 117,301 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 16,5%.
  - + Ngân sách huyện: 135,311 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 19,1%.
  - + Ngân sách xã: 313,326 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 44,2%.
- Vốn xã hội hóa 79,418 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 11,2%, gồm:
  - + Doanh nghiệp đóng góp: 4,258 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 0,6%.
  - + Nhân dân đóng góp: 75,16 tỷ đồng (trong đó 100% thu tiền mặt), chiếm tỷ lệ 10,6%.

## **2. Về kết quả công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới**

- Tổng số xã trên địa bàn thị xã: 08 xã.
- Số xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới: 08 xã.
- Số xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao: 01 xã.
- Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới: 100%, và được Chủ tịch UBND tỉnh ra quyết định công nhận.

*Huyện Chơn Thành có 100% số xã đạt chuẩn nông thôn mới theo đúng quy định.*

## **3. Một số kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới tại các xã của huyện Chơn Thành.**

### **3.1. Công tác lập, tổ chức thực hiện quy hoạch (Tiêu chí số 1).**

Đến năm 2013 toàn huyện đã có 08/08 xã được UBND huyện phê duyệt Đồ án quy hoạch xây dựng nông thôn mới. UBND huyện đã phê duyệt quy định về quản lý quy hoạch xây dựng nông thôn mới ở 8/8 xã.

UBND các xã đã thực hiện công bố, công khai rộng rãi; tiến hành cắm mốc giới theo quy hoạch được phê duyệt, thực hiện quản lý quy hoạch xây dựng NTM theo quy hoạch và đề án đã được phê duyệt. 100% số xã đã xây dựng Quy chế quản lý quy hoạch. Trong quá trình thực hiện do có nhiều biến động về phát triển kinh tế-xã hội và sử dụng đất các xã đã tiến hành rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch nhằm đáp ứng yêu cầu của bộ tiêu chí mới và tình hình thực tế, phù hợp với các quy hoạch của huyện theo vùng, theo ngành, đảm bảo với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế-xã hội và kế hoạch tái cơ cấu ngành nông nghiệp; kết hợp xây dựng NTM với từng bước đô thị hóa, xây dựng cơ sở hạ tầng, đã nhận được sự đồng thuận cao của cộng đồng dân cư nông thôn, đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế-xã hội và xây dựng nông thôn mới.

Gắn với tình hình phát triển kinh tế - xã hội thực tế của từng xã, hàng năm, UBND các xã đã tổ chức rà soát, bổ sung điều chỉnh cục bộ quy hoạch cho phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.

**\* Đánh giá mức độ đạt tiêu chí:** 08 xã đạt Tiêu chí số 1 về Quy hoạch.

*(Phụ lục số 01 – Kết quả thực hiện tiêu chí Quy hoạch)*

### **3.2. Xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu**

**\* Về Giao thông (Tiêu chí số 2).**

Từ năm 2010-2020, đã được thực hiện đầu tư nâng cấp bê tông xi măng, bê tông nhựa, láng nhựa tổng chiều dài là **563,75** km, cụ thể như sau: đã thực hiện nâng cấp bê tông xi măng, bê tông nhựa, láng nhựa được 345,22km, đạt tỷ lệ 61,24%, còn lại đã được cứng hoá bằng cấp phối sỏi đỏ. So với thời điểm năm 2010, tỷ lệ nhựa hoá, bê tông hoá các tuyến đường giao thông nông thôn tăng 58,91% (năm 2010 tỷ lệ nhựa hoá, bê tông hoá 13,13/563,75km, đạt 2,33%).

- Đường xã, đường trục thôn xóm: gồm có 248 tuyến với chiều dài 294,30km, hiện trạng đã được thực hiện đầu tư bê tông xi măng, bê tông nhựa nóng 248 tuyến, dài 294,3km đạt tỷ lệ nhựa hoá, bê tông hoá 100%.

- Đường ngõ xóm: gồm 251 tuyến với chiều dài 248,75km, hiện trạng các tuyến đường ngõ xóm đã được cứng hoá bằng bê tông xi măng, cấp phối bằng sỏi đỏ, sạch sẽ không lầy lội vào mùa mưa, đạt tỷ lệ 100%.

- Đường trục chính nội đồng: gồm 06 tuyến với chiều dài 20,70km, hiện trạng các tuyến đường trục chính nội đồng đã được thực hiện đầu tư cứng hoá bằng cấp phối đảm bảo xe cơ giới đi lại thuận tiện đạt tỷ lệ 100% .

Việc đầu tư xây dựng đồng bộ hệ thống đường giao thông nông thôn từ huyện đến xã đã làm thay đổi bộ mặt nông thôn, là bước đột phá mới, tạo điều kiện thuận lợi về giao lưu trao đổi hàng hóa cho người dân, sản xuất công nghiệp, nông nghiệp phát triển tạo điều kiện thuận tiện trong việc tiêu thụ, tìm kiếm thị trường, góp phần nâng cao thu nhập, tạo bước đột phá về phát triển kinh tế - xã hội trên toàn huyện.

**\* Đánh giá mức độ đạt tiêu chí:** 08 xã đạt Tiêu chí số 2 về Giao thông.

*(Phụ lục số 02 – Kết quả thực hiện tiêu chí Giao thông)*

**\* Về Thủy lợi (Tiêu chí số 3).**

Với đặc điểm địa hình bằng phẳng, sản xuất nông nghiệp chủ yếu là cây công nghiệp lâu năm, cây ăn trái, sử dụng nguồn nước ngầm, từ sông suối tự nhiên để tưới đáp ứng đủ nhu cầu sản xuất nên huyện Chơn Thành không xây dựng hệ thống thủy lợi.

Tổng diện tích đất tự nhiên của toàn huyện là 38.983,68 ha, diện tích cây trồng là 26.636 ha (cây lâu năm 25.478 ha, cây hàng năm 1.158 ha).

- Về tưới chủ động: Trên địa bàn huyện diện tích trồng cây lâu năm (cao su, điều) khá lớn chiếm 91,3% diện tích cây lâu năm, đây là cây trồng không cần tưới

nước chủ động, nhưng vẫn đảm bảo sinh trưởng và phát triển bình thường. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp cần tưới chủ động là 2.302/2.302 ha đã được tưới chủ động, đạt 100% bao gồm: Cây tiêu là 90,4 ha; cây ăn trái các loại là 1.054 ha và 1.158 ha diện tích trồng cây hàng năm.

- Tỷ lệ diện tích đất nông nghiệp, phi nông nghiệp và thủy sản được tưới chủ động đạt 100%, cụ thể: Diện tích đất tự nhiên của huyện là 38.983,68 ha. Trong đó, đất sản xuất nông nghiệp là 33.209,18 ha, đất phi nông nghiệp là 5.731 ha, đất nuôi trồng thủy sản là 43,47 ha đều được tưới nước chủ động.

UBND các xã đã thành lập, kiện toàn Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn xã, 08/08 xã thành lập đội xung kích phòng chống thiên tai cấp xã. Hàng năm các xã đều có kế hoạch và phương án trong công tác phòng, chống đối với mọi tình huống ảnh hưởng do thiên tai có thể xảy ra. Các xã được Ban chỉ huy PCTT tỉnh, huyện cấp trang thiết bị PCTT nhằm sẵn sàng ứng cứu khi xảy ra tình huống. Thông tin về tình hình thời tiết được BCH PCTT xã cập nhật và tuyên truyền, thông tin, phát thanh trên hệ thống loa truyền thanh của xã đến với nhân dân trên địa bàn.

**\* Đánh giá mức độ đạt tiêu chí:** 08 xã đạt Tiêu chí số 3 về Thủy lợi.

*(Phụ lục số 03 – Kết quả thực hiện tiêu chí Thủy lợi)*

**\* Về Điện (Tiêu chí số 4).**

Toàn huyện, đang quản lý vận hành 303km đường dây trung áp, 252 km đường dây hạ áp, 818 TBA tổng dung lượng 214.445 kVA, trong đó: 426 TBA công cộng phục vụ bán điện lẻ với tổng dung lượng 197.108kVA, 392 TBA điện lực sử dụng với tổng dung lượng 17.338kVA.

- Tỷ lệ hộ sử dụng điện trên địa bàn huyện đạt 99,6%.

- Tỷ lệ có điện đường chiếu sáng đạt 42,72%, tăng 100% so với năm 2011.

**\* Đánh giá mức độ đạt tiêu chí:** 08 xã đạt Tiêu chí số 4 về Điện.

*(Phụ lục số 04 – Kết quả thực hiện tiêu chí Điện)*

**\* Về Trường học (Tiêu chí số 5).**

Tính đến thời điểm hiện nay, trên địa bàn huyện có 23 trường công lập (mầm non 09 trường, tiểu học 07 trường; trung học cơ sở 03 trường, TH – THCS có 04 trường) và 33 trường, cơ sở mầm non dân lập. Ngoài ra còn có 02 trường THPT, 01 trường THCS – THPT công lập, 01 trường cao đẳng nghề, 01 Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên.

Từ năm 2010 đến nay, đã thực hiện nâng cấp, sửa chữa 27 công trình trường học, xây dựng mới 7 trường học. Đến nay, không còn phòng học tạm bợ, không có lớp học ca 3, các xã đều có trường học từ Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở và các trường học đều nằm ở trung tâm xã tạo điều kiện thuận lợi cho con em đến trường. Tất cả 23/23 trường công lập đều có cơ sở vật chất đảm bảo cho việc và dạy; 100% các trường có trang Website, kết nối internet, khu sân chơi, bãi tập có cây bóng mát đảm bảo môi trường xanh, sạch, đẹp, an toàn.



\* **Đánh giá mức độ đạt tiêu chí:** 08 xã đạt Tiêu chí số 5 về Trường học.

*(Phụ lục số 05– Kết quả thực hiện tiêu chí về Trường học)*

\* **Về Cơ sở vật chất văn hóa (Tiêu chí số 6).**

- Về Trung tâm Văn hóa - thể thao xã:

Hiện nay trên địa bàn huyện đã có 8/8 xã đã có hội trường đa năng phục vụ cho các hoạt động sinh hoạt văn hóa (200-300 chỗ ngồi), được trang bị đầy đủ các thiết chế và trang thiết bị: quốc hiệu, quốc huy, ma kết trang trí, bàn ghế, tủ, loa đài, âm thanh, ánh sáng, có các phòng chức năng.

Trung tâm văn hóa - thể thao của các xã được đầu tư đưa vào sử dụng, đã đáp ứng tốt nhiều sự kiện quan trọng của xã như: Đại hội Đảng bộ, tổ chức hội nghị, hội thảo, tuyên truyền, thường xuyên tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ nhân các sự kiện chính trị trọng đại, tổ chức các hoạt động truyền thông, hoạt động vui chơi, giải trí. Trung tâm văn hóa - thể thao cũng là địa điểm thuận lợi cho tổ chức các hoạt động giao lưu văn hóa, thể thao cấp cụm, hoạt động phong trào của các tổ chức đoàn thể nhân dịp kỉ niệm các ngày lễ lớn, đặc biệt đã đáp ứng tốt chức tốt nhiều hoạt động văn hóa cấp cụm như: Hội thi “Bí thư chi bộ giỏi tuyên truyền xây dựng nông thôn mới”, Hội thi “Kể chuyện tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”, Hội thi “Báo cáo viên giỏi cấp huyện”, Hội thi “Tìm hiểu kiến thức gia đình” cấp huyện.

Toàn huyện 08/08 xã có khu thể thao diện tích từ 700 - 1.000 m<sup>2</sup> trở lên, gồm sân bóng đá mini, sân bóng chuyền da, bóng chuyền hơi, sân cầu lông, bóng bàn, khu vực vui chơi giải trí cho trẻ em...; sân vận động xã đạt diện tích đảm bảo tổ chức Đại hội Thể dục - Thể thao, các hoạt động thể thao hàng ngày của nhân dân như: Bóng đá, kéo co, chạy bộ, chạy việt dã, khu vui chơi cho trẻ em...

- Về Nhà văn hóa - Khu thể thao **ấp:**

58/58 khu dân cư của các xã đều có sân bóng chuyền và sân cầu lông phục vụ cho nhân dân trên địa bàn, có 58/58 khu dân cư đã được xây dựng nhà văn hóa ấp đáp ứng đủ các điều kiện về sinh hoạt văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao và vui chơi giải trí của nhân dân trong thôn, cũng như tổ chức thường xuyên các hoạt động của các loại hình Câu lạc bộ tại ấp như: CLB Thơ, CLB "Gia đình phát triển bền vững", CLB Văn nghệ truyền thống. Hệ thống thiết chế Nhà Văn hóa **ấp** được quan tâm đầu tư đã góp phần lưu giữ được nhiều vốn văn hóa truyền thống của dân tộc trên địa bàn huyện, tiêu biểu như: Câu lạc bộ “Gia đình Văn hóa”, Câu lạc bộ “Gia đình phát triển bền vững”, Câu lạc bộ liên thế hệ, Câu lạc bộ "Văn nghệ truyền thống"... Phòng đọc sách báo tại các Nhà Văn hóa thôn đã duy trì hoạt động thường xuyên, với hệ thống sách, báo luôn được luân chuyển mỗi năm từ 200-250 đầu sách, báo từ cấp huyện về địa phương đến các thôn, nên đã thu hút nhiều bạn đọc tham gia.

\* **Đánh giá mức độ đạt tiêu chí:** 08 xã đạt Tiêu chí số 6 về Cơ sở vật chất văn hóa..

*(Phụ lục số 05– Kết quả thực hiện tiêu chí về Cơ sở vật chất văn hóa.)*

**\* Về Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn (Tiêu chí số 7).**

Trên địa bàn huyện có 05 chợ, gồm: Chợ Minh Hưng, chợ Chơn Thành, chợ Minh Lập, chợ Thành Tâm và chợ Quang Minh. Ngoài ra, trên địa bàn các xã hình thành nhiều cơ sở tiện ích, khu mua bán tập trung đáp ứng nhu cầu mua bán, tiêu dùng trên địa bàn.

Những xã không thực hiện tiêu chí chợ đã tiến hành xây dựng các cửa hàng kinh doanh tổng hợp, đảm bảo lưu thông và cung ứng hàng hóa phục vụ nhân dân đạt chuẩn theo quy định.

**\* Đánh giá mức độ đạt tiêu chí:** 08 xã đạt Tiêu chí số 7 về Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn.

*(Phụ lục số 07 - Kết quả thực hiện tiêu chí Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn)*

**\* Về Thông tin và Truyền thông (Tiêu chí 8).**

Các xã trên địa bàn huyện đã có cơ sở vật chất về thông tin và truyền thông đạt chuẩn, 8/8 xã có điểm Bưu điện văn hóa xã (trong đó có 03 xã Thành Tâm, Minh Thành và Quang Minh chưa có trụ sở bưu điện nhưng đã thuê đất để làm điểm Bưu điện văn hóa xã), 8/8 xã có Internet đến các ấp, 8/8 xã có trạm truyền thanh và hệ thống loa, 8/8 xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành và bộ phận một cửa điện tử, 8/8 xã đạt chuẩn về tiêu chí thông tin và truyền thông.

Các ấp trên địa bàn huyện đều có internet, các đại lý kinh doanh internet, điện thoại, đạt tỷ lệ 100%.

Từ năm 2011 đến nay, UBND huyện đã tập trung đầu tư trang thiết bị và ứng dụng công nghệ thông tin trong cải cách hành chính và quản lý văn bản nhằm đảm bảo phục vụ công tác quản lý và điều hành. Đồng thời, đã triển khai thực hiện hệ thống một cửa, một cửa liên thông hiện đại cấp huyện và cấp xã nhằm phục vụ nhân dân, dịch vụ công đang được phục vụ chủ yếu ở mức độ 2,3.

**\*Đánh giá mức độ đạt tiêu chí:** 08 xã đạt Tiêu chí số 8 về Thông tin và Truyền thông.

*(Phụ lục số 08 - Kết quả thực hiện tiêu chí Thông tin và truyền thông)*

**\* Về nhà ở dân cư (Tiêu chí số 09).**

Thời gian qua, cùng với sự phát triển về kinh tế, đời sống của người dân ngày càng được nâng cao, người dân đã đầu tư xây dựng mới, chỉnh trang nhà cửa. Bên cạnh đó, UBMTTQ Việt Nam huyện cùng với các cơ quan, đoàn thể đã vận động xây dựng được 676 căn nhà đại đoàn kết cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, sửa chữa được 18 căn nhà; xây dựng mới 7 căn nhà và sửa chữa được 18 căn nhà cho người có công. Đến nay trên địa bàn huyện tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn **95,1%**; không còn nhà tạm, dột nát.

**\* Đánh giá mức độ đạt tiêu chí:** 08 xã đạt Tiêu chí số 9 về Nhà ở dân cư.

*(Phụ lục số 09 - Kết quả thực hiện tiêu chí Nhà ở dân cư)*

**3.3. Phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập cho người dân**

### a) Trên lĩnh vực nông nghiệp

Trong những năm qua, sản xuất nông nghiệp trên địa bàn huyện tiếp tục phát triển theo đúng định hướng, sản xuất theo quy mô hàng hóa, tỷ trọng ngành nông nghiệp giảm trong cơ cấu kinh tế nhưng tăng về giá trị với định hướng phát triển cây công nghiệp lâu năm chủ lực là cây cao su, phát triển nhanh diện tích cây ăn trái có giá trị cao và tăng tỷ trọng ngành chăn nuôi trong tổng cơ cấu ngành nông nghiệp. Giá trị sản xuất Nông - lâm - thủy sản năm 2020 theo giá so sánh năm 2010 đạt 4.560 tỷ đồng, tăng 44,5% so với năm 2011 (tăng trung bình 4,3%/năm).

Một số kết quả đạt được như sau:

+ **Về trồng trọt:** diện tích cây cao su và cây ăn trái là chủ lực với tổng diện tích là 25.478 ha (chiếm 95,6% tổng diện tích cây trồng của toàn huyện) là nguồn thu nhập chủ yếu của nông dân trên địa bàn huyện.

+ **Về chăn nuôi:** Hiện trên địa bàn các xã có 123 trang trại đang hoạt động, trong đó có 62 trang trại chăn nuôi heo, gà, còn lại 61 trang trại trồng cây lâu năm, cây ăn trái và tổng hợp. Đã có nhiều trang trại chăn nuôi áp dụng công nghệ cao, xử lý, kiểm soát và sử dụng có hiệu quả chất thải chăn nuôi, khẳng định hướng phát triển lâu dài và ổn định. Năm 2020, quy mô đàn gia súc, gia cầm cụ thể như sau: Tổng đàn trâu, bò đạt 1.930 con, giảm 27,4% so với năm 2011 (2.459 con); tổng đàn heo đạt 114.364 con, tăng 384 % so với năm 2011 (23.610 con); tổng đàn gia cầm đạt 948,05 ngàn con, tăng 285,8% so với năm 2011 (245,7 ngàn con).

Ngoài ra, trên địa bàn huyện có 02 điểm giết mổ tập trung, các điểm giết mổ đều được kiểm soát thú y và kiểm tra giám sát chặt chẽ của Đội kiểm tra liên ngành cấp huyện và địa phương nên công tác kiểm soát giết mổ đã cơ bản đảm bảo an toàn thực phẩm trong giết mổ và lưu thông sản phẩm sau giết mổ.

- **Về phát triển kinh tế tập thể:** Đã thành lập 09 hợp tác xã nông nghiệp (gồm 02 hợp tác xã chăn nuôi gia súc, gia cầm; 06 hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực trồng trọt và 01 hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực trồng trọt – dịch vụ - môi trường), **thu nhập bình quân lao động đạt từ 9-12,8 triệu đồng/người/tháng, cụ thể:**

+ Hợp tác xã măng tre Thành Tâm; Hợp tác xã sản xuất thương mại, dịch vụ Hồ tiêu Minh Hưng; Hợp tác xã Rau an toàn Minh Hưng; Hợp tác xã cây ăn trái Minh Thắng; Hợp tác xã Đoàn Kết Minh Lập; Hợp tác xã cây ăn trái Minh Long; Hợp tác xã chăn nuôi Quang Minh. Ngoài ra còn có 2 hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ nông nghiệp là Hợp tác xã Minh Thành (Thành lập năm 2017) và Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp Nha Bích (Thành lập năm 2017).

Trên địa bàn huyện đã hình thành mô hình sản xuất theo hướng liên kết như các trang trại chăn nuôi tập trung ký kết đầu ra sản phẩm với các công ty CP, CJ, Deheif, mô hình sản xuất măng tre đạt chuẩn VietGAP, hợp tác xã trồng cây ăn trái, hợp tác xã trồng rau theo tiêu chuẩn VietGAP có ký kết hợp đồng với cơ sở thu mua.

Với nguồn vốn phát triển sản xuất được ngân sách nhà nước hỗ trợ từ năm 2011 đến nay, toàn huyện đã thực hiện được 26 dự án phát triển sản xuất, số hộ được hỗ trợ là 86 hộ, số tổ hợp tác được hỗ trợ là 04 tổ hợp tác, số hợp tác xã được

hỗ trợ là 06 hợp tác xã. Đến nay, toàn huyện có 8/8 xã đạt tiêu chí tổ chức sản xuất, tăng 07 xã so với thời điểm năm 2011.

Về chương trình mỗi xã một sản phẩm: Đã có sản phẩm yến sào Công ty Yến Sào Nam Phú được UBND tỉnh chứng nhận OCOP đạt 3 sao.

**- Ứng dụng khoa học kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp:** Trên địa bàn huyện hiện đã có nhiều trang trại, hộ gia đình có ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp như: sử dụng hệ thống tưới tiết kiệm, trồng dưa lưới, ra trong hệ thống nhà lưới, chăn nuôi heo, gà bằng hệ thống chuồng trại khép kín, các mô hình được đánh giá là mô hình sản xuất nông nghiệp mang lại hiệu quả kinh tế cao. Đến nay, tổng diện tích tưới tiên tiến, tiết kiệm trên các loại cây trồng trên địa bàn huyện là 1.050 ha, chủ yếu là cây ăn trái. Tổng diện tích cây trồng trong nhà lưới là 35 ha, chủ yếu là trồng rau, cây dưa lưới. Có 62 trang trại chăn nuôi áp dụng chăn nuôi trong hệ thống chuồng trại hiện đại. Các hợp tác xã, tổ hợp tác, trang trại ứng dụng cơ giới hóa, tự động hóa trong sản xuất (bón phân, tưới nước), xử lý ra hoa trái vụ, rải vụ trên các loại cây trồng để đảm bảo cung ứng sản phẩm đáp ứng nhu cầu thị trường theo mùa vụ khác nhau trong năm, góp phần nâng cao thu nhập của người dân (chủ yếu tập trung trên các loại cây ăn trái như bưởi, cam, quýt, sầu riêng...).

**Đánh giá mức độ đạt tiêu chí: 08 xã đạt Tiêu chí số 13 về Hình thức tổ chức sản xuất.**

*(Phụ lục số 13 - Kết quả thực hiện tiêu chí Hình thức tổ chức sản xuất)*

**b) Trên lĩnh vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề, dịch vụ + Về công nghiệp – Tiểu thủ công nghiệp:**

Có 05 khu công nghiệp lớn đang hoạt động gồm Khu công nghiệp Chơn Thành I, Khu công nghiệp Chơn Thành II, Khu công nghiệp Minh Hưng – Hàn Quốc, Khu công nghiệp Minh Hưng III, Khu công nghiệp - Dân cư Becamex Bình Phước, các ngành công nghiệp chủ yếu về dệt may, chế biến gỗ - sản phẩm từ gỗ, sản xuất giấy, các mặt hàng kim khí. Giá trị sản xuất công nghiệp hàng năm tăng trưởng bình quân 24,9%, đóng góp từ 45-50% GDP trong toàn huyện.

+ **Phát triển thương mại - dịch vụ:** Trên địa bàn các xã hiện có 1.107 doanh nghiệp thương mại và dịch vụ, đang hoạt động trên địa bàn, giá trị sản xuất ngành dịch vụ đạt mức tăng trưởng bình quân 24,2%/năm (đảm ứng nhu cầu mua sắm người dân). Trong những năm qua đã thực hiện có hiệu quả các Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”, các hình thức chợ phiên, “Hàng Việt về nông thôn”; “Phiên chợ công nhân”...

+ **Về hoạt động tín dụng:**

Ngân hàng Agribank chi nhánh huyện Chơn Thành: Kết quả thực hiện cho vay nông nghiệp, nông thôn giai đoạn 2011 – 2020. Tình hình dư nợ cho vay đến 31/12/2020: tổng dư nợ đạt 1.923 tỷ đồng. Trong đó: dư nợ cho vay cá nhân 1.923 tỷ đồng. Cơ cấu nợ ngắn hạn 1.708 tỷ đồng, trung hạn 215 tỷ đồng; dư nợ không đảm bảo tài sản: 4 tỷ đồng.

Phòng giao dịch Ngân hàng CSXH huyện Chơn Thành: Trong 10 năm (2011-2020) đã cho vay 444.252 triệu đồng, với 19.604 lượt hộ, góp phần giảm tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo, giúp cho 1.214 lượt lao động ở nông thôn giải quyết việc làm, 1.417 hộ gia đình sản xuất, kinh doanh phát triển kinh tế tăng thu nhập cho gia đình, cải tạo và xây mới 8.226 lượt công trình nước sạch và nhà tiêu hợp vệ sinh, hỗ trợ nhu cầu thiết yếu về ăn, ở, đi lại, học hành cho 1.295 học sinh, sinh viên theo học tại các trường đào tạo.

Ngoài ra, trên địa bàn huyện còn có các ngân hàng thương mại đang hoạt động như: Ngân hàng công thương Việt Nam (Viettin Bank), Ngân hàng Đầu tư và Phát triển BIDV, Ngân hàng Nam Á, Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn – Thương tín Sacombank, Ngân hàng An Bình, Ngân hàng Thương mại cổ phần ngoại thương Vietcombank... đã cung cấp các hoạt động tín dụng, đẩy mạnh lưu thông nguồn vốn trên thị trường, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

\* Về Thu nhập (*Tiêu chí số 10*).

Thu nhập bình quân đầu người trên địa bàn huyện năm 2020 đạt 62,46 triệu đồng/người tăng 4,53 lần so với năm 2011 (*năm 2011 là 13,78 triệu đồng/người/năm*).

Đánh giá mức độ đạt tiêu chí: 08 xã đạt Tiêu chí số 10 về Thu nhập.

(*Phụ lục số 10 - Kết quả thực hiện tiêu chí Thu nhập*)

\* Về tỷ lệ Hộ nghèo (*Tiêu chí số 11*).

Công tác giảm nghèo được các cấp, các ngành, các tổ chức chính trị xã hội, đoàn thể quần chúng và toàn xã hội quan tâm thực hiện. Các chính sách đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo được vận dụng đưa vào thực hiện có hiệu quả đã đem lại những kết quả tích cực trong công tác giảm nghèo, tỷ lệ hộ nghèo trên toàn huyện đã giảm nhanh, bền vững.

Đầu năm 2011, số hộ nghèo toàn huyện là 975 hộ (5,46%), vào cuối năm 2020 đã giảm xuống còn 62 hộ (0,32%), giảm 5,14% so với năm 2011 (không tính đối tượng bảo trợ xã hội).

\* **Đánh giá mức độ đạt tiêu chí:** 08 xã đạt Tiêu chí số 11 về Hộ nghèo.

(*Phụ lục số 11 - Kết quả thực hiện tiêu chí Hộ nghèo*)

\* Về Tiêu chí số 12 – Lao động có việc làm:

Trên địa bàn huyện tập trung các khu công nghiệp và các nông trường cao su. Trung bình hàng năm huyện đã giải quyết việc làm mới cho 4.390 lao động., góp phần giải quyết việc làm và nâng cao thu nhập cho người dân, kết quả đạt 91,64% (tăng 48,5% so với năm 2011).

**Đánh giá mức độ đạt tiêu chí:** 08 xã đạt Tiêu chí số 12 về Lao động có việc làm.

(*Phụ lục số 12 - Kết quả thực hiện tiêu chí Lao động có việc làm*)

### **3.4. Phát triển Giáo dục, Y tế, văn hóa và Bảo vệ môi trường**

### \* Về giáo dục – Tiêu chí số 14

Kết quả đạt chuẩn phổ cập giáo dục Mầm non cho trẻ 05 tuổi, xóa mù chữ và chống tái mù chữ, phổ cập giáo dục Tiểu học đúng độ tuổi, thực hiện phổ cập giáo dục Trung học cơ sở 8/8 xã đều đạt, cụ thể:

- Kết quả phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 05 tuổi: 99,83 %.
- Đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2: 96,86%
- Phổ cập giáo dục tiểu học đạt mức độ 3: 97,37%.
- Thực hiện phổ cập giáo dục THCS đạt chuẩn mức độ 1: 92,2 %.
- Tỷ lệ người có việc qua đào tạo đạt 52,15% (tăng 31,3% so với năm 2011)

**Đánh giá mức độ đạt tiêu chí:** 08 xã đạt Tiêu chí số 14 về Giáo dục

*(Phụ lục số 12 - Kết quả thực hiện tiêu chí Lao động có việc làm)*

### \* Về Y tế (Tiêu chí số 15).

- 08/08 xã được công nhận Trạm y tế đạt chuẩn theo bộ tiêu chí quốc gia về Trạm Y tế xã (tăng 02 xã so với năm 2011).

- Tỷ lệ người dân tham gia BHYT trên địa bàn huyện năm 2020 đạt 93%, so với năm 2011 tăng 78,5% (năm 2011 là 14,5%).

Tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thấp còi chiều cao theo tuổi trên toàn huyện là 7,43% (giảm 9,7% so với năm 2011).

**Đánh giá mức độ đạt tiêu chí:** 08 xã đạt Tiêu chí số 15 về Y tế.

*(Phụ lục số 15 - Kết quả thực hiện tiêu chí về y tế)*

### \* Tiêu chí số 16 về Văn hóa.

Năm 2011, theo đánh giá của bộ tiêu chí quốc gia giai đoạn 2010-2015, toàn huyện chưa có xã nào đạt tiêu chí văn hóa. Đến nay, 8/8 xã đã có hội trường đa năng phục vụ cho các hoạt động sinh hoạt văn hóa, 58/58 khu dân cư có nhà văn hóa ấp; 58/58 khu dân cư có tủ sách pháp luật, đội văn hóa văn nghệ không chuyên phục vụ quần chúng. Thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội có nhiều chuyển biến tích cực, được đa số cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân đồng tình hưởng ứng. Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, giáo dục việc bảo tồn và phát huy những giá trị truyền thống, duy trì thường xuyên Hội thi văn nghệ tại các xã, thị trấn hàng năm, qua đó đã phát hiện nhiều nhân tố mới trong phong trào văn hóa văn nghệ quần chúng. Đẩy mạnh thực hiện phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” và cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng Nông thôn mới, đô thị văn minh” gắn với xây dựng nông thôn mới, góp phần xây dựng đời sống văn hóa vì sự phát triển bền vững của xã hội, thông qua phong trào, khối đại đoàn kết toàn dân được củng cố và phát huy, các tệ nạn xã hội từng bước được đẩy lùi, bản sắc văn hóa dân tộc được giữ vững; Đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân ngày càng được nâng cao, thu hẹp khoảng cách giữa vùng sâu, vùng xa với thành thị. Nhìn chung, việc thực hiện quy ước đã góp phần tích cực vào việc hạn chế, loại bỏ các tập tục lạc hậu trong đời sống xã hội, phát huy những truyền thống tốt đẹp. Quá trình thực

hiện đã xây dựng tình đoàn kết, tương thân, tương ái trong cộng đồng, vận động các thành viên trong cộng đồng đoàn kết giúp nhau phát triển sản xuất, nâng cao đời sống, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn áp

Năm 2020, có 54/58 ấp của các xã đạt chuẩn ấp văn hóa (đạt tỷ lệ 93,1%); hộ gia đình đạt chuẩn gia đình văn hóa đạt tỷ lệ 97,6%.

Thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội đã được thực hiện nghiêm túc. Huyện đã ban hành Chỉ thị tăng cường sự lãnh đạo của Đảng về việc thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và Lễ hội trên địa bàn huyện và chỉ đạo các Cấp ủy, chính quyền, đoàn thể triển khai thực hiện. Vì vậy, việc thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội có nhiều chuyển biến tích cực.

- Về việc cưới: Đã thực hiện tốt nếp sống văn minh trong việc cưới, nhiều đơn vị đã vận động tốt công tác tổ chức cưới tại Nhà Văn hóa thôn, không ăn uống linh đình kéo dài, không hút thuốc lá. Nhiều xã đám cưới được tổ chức tại Nhà văn hóa thôn, tiêu biểu như xã Minh Long, Minh Thắng, Quang Minh.

- Về việc tang: Được thực hiện đúng quy định, khi có người chết, trường hợp chết do có bệnh truyền nhiễm đã được tổ chức an táng ngay, các hủ tục lạc hậu đã được xóa bỏ. Việc dùng hình thức hỏa táng trong đám tang đang được nhân rộng.

- Về Lễ hội: Lễ hội truyền thống trên địa bàn huyện được duy trì thường xuyên (người Kinh có lễ hội cúng đình ở đình Thần Hưng Long với hai lễ chính là lễ Kỳ Yên và lễ hội Cầu Bông. Người Khmer có các lễ hội liên quan đến tôn giáo (Phật giáo) như lễ Phật Đản sanh, lễ Sen, Dolta, lễ dâng y Katrina... Người Xtiêng có lễ hội mừng lúa mới, lễ Phá bầu ở xã Quang Minh). Các Lễ hội đã được chính quyền và nhân dân địa phương tổ chức đúng nghi lễ truyền thống, có phần lễ và phần hội, an ninh trật tự được đảm bảo, không có tình trạng đồng bóng, bói toán... Tổ chức tốt việc hướng dẫn nhân dân và du khách tham gia các lễ hội thực hiện đúng nếp sống văn minh trong lễ hội.

Với những kết quả đạt được, nhiều xã trên địa bàn huyện đã được UBND tỉnh tặng Bằng khen và Cờ thi đua, Giám đốc Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch, UBND huyện tặng Giấy khen, trong đó nhiều đơn vị nhiều năm liên tục được tặng Giấy khen, Bằng khen.

**\* Đánh giá mức độ đạt tiêu chí:** 08 xã đạt Tiêu chí số 16 về Văn hóa.

*(Phụ lục số 16 - Kết quả thực hiện tiêu chí về Văn hóa)*

**\* Về Môi trường và An toàn thực phẩm (Tiêu chí số 17).**

Chỉ tiêu 17.1: Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch theo quy định: Đến nay, tỷ lệ hộ dân sử dụng nước hợp vệ sinh toàn huyện đạt 99,26% (tăng 39,5% so với năm 2011) và 68,65% nước sạch.

- Chỉ tiêu 17.2 - Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường: Trên địa bàn huyện có tổng 726 cơ

sở sản xuất và hộ kinh doanh cá thể (trong đó, cấp tỉnh quản lý 22 cơ sở; cấp huyện quản lý 48 cơ sở; cấp xã quản lý 656 cơ sở); Các hộ kinh doanh và cơ sở sản xuất trên đều đảm bảo các quy định về môi trường, các cơ sở sản xuất, hộ kinh doanh thuộc đối tượng phải đăng ký đề án bảo vệ môi trường đã tiến hành đăng ký và cam kết thực hiện theo quy định.

- *Chỉ tiêu 17.3* - Xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn

Huyện ủy, UBND huyện cùng các tổ chức chính trị xã hội đã phát động phong trào toàn huyện xây dựng cảnh quan môi trường xanh-sạch-đẹp (Lễ Quốc gia về nước sạch và vệ sinh môi trường, ngày môi trường thế giới và phát động phong trào trồng cây nhân dân trên địa bàn), an toàn và duy trì thực hiện thường xuyên tổng vệ sinh môi trường vào chủ nhật hàng tuần như: Trồng hoa, hàng rào xanh ở đường làng, quét dọn vệ sinh, chỉnh trang đường làng ngõ xóm, công sở, trường học, khu vực công cộng,... Hàng tháng, huy động trên 6.000 lượt người ở các cơ quan, đơn vị và người dân tham gia tổng vệ sinh môi trường; tổ chức chỉnh trang và phát quang trên các trục đường giao thông nông thôn. Toàn huyện đã trồng được trên 78,5 km đường hoa dọc các trục đường xã, đường thôn và liên thôn, trồng 4.130 cây bóng mát; giải phóng, san ủi hành lang đường, lòng, lề: 171,2 km. Tạo cảnh quan thông thoáng, sáng, xanh, sạch, đẹp. Trên địa bàn các xã đã có các mô hình thu gom xử lý rác thải: Mô hình “thu gom rác bằng xe ba gác” đảm bảo các khu dân cư được thu gom rác tận nơi; Mô hình “thùng rác tự quản” đảm bảo các hộ gia đình bỏ rác đúng nơi quy định; Mô hình “Phân loại và xử lý rác thải” ; Mô hình “Khu dân cư không rác thải”.

*Chỉ tiêu 17.4* - Mai táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch, đảm bảo giá trị văn hóa, truyền thống của từng dân tộc, điều kiện thực tế xã, cụm xã:

Hiện tại trên địa bàn 08 xã đều có quy hoạch nghĩa trang phù hợp với quy định và theo quy hoạch; huyện đã quy hoạch nghĩa trang tập trung của huyện với diện tích 7,4 ha và Nghĩa trang của Giáo xứ với diện tích 2,35 ha tại xã Thành Tâm, huyện Chơn Thành. Việc mai táng được thực hiện theo đúng quy hoạch và đảm bảo giá trị văn hóa, truyền thống của dân tộc, không có trường hợp nào chôn cất tại nhà cũng như các nghĩa địa nhỏ trên địa bàn các xã.

- *Chỉ tiêu 17.5*: Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất - kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định

\* *Về thu gom và xử lý chất thải rắn*:

- Công tác thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt: Hiện trên địa bàn huyện có 04 đơn vị thu gom xử lý rác thải sinh hoạt, các trường hợp thu gom đều là xã hội hóa (trước đây do Đội Quản lý Đô thị huyện thực hiện việc thu gom, tuy nhiên sau tháng 10/2020 đã ngừng không còn hoạt động thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt), việc thu gom rác thải sinh hoạt chỉ được thực hiện tại 08/08 xã, 01 thị trấn có dân cư tập trung và giao thông thuận lợi, rác sinh hoạt được thu gom vận chuyển bằng xe chuyên dụng được tập kết về bãi rác của huyện và xã, sau đó xử lý bằng biện pháp chôn lấp hoặc đốt; các xã còn lại và các khu vực chưa có đơn vị thu gom do các hộ dân tự thu gom xử lý bằng biện pháp đốt hoặc chôn lấp tại nhà. Đối với các



khu dân cư, điểm dân cư, khu vực tập kết rác sinh hoạt đã trang bị thùng chứa rác và hướng dẫn hộ dân tự phân loại rác tại nguồn, tận dụng triệt để rác hữu cơ để làm phân bón.

- Công tác thu gom, xử lý rác thải tại bãi rác: Tăng cường xử lý bằng chế phẩm sinh học để hạn chế mùi hôi và diệt côn trùng, nhất là trong thời điểm giao mùa. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của chính quyền địa phương và cơ quan chức năng trong việc yêu cầu đơn vị thu gom, vận chuyển xử lý rác đúng quy trình kỹ thuật, đảm bảo vệ sinh môi trường.

- Công tác thu gom xử lý đối chất thải rắn công nghiệp và nguy hại tại các Khu công nghiệp trên địa bàn huyện: Hiện trên địa bàn Huyện đã có 01 nhà máy xử lý rác thải công nghiệp và rác thải nguy hại tại xã Minh Lập (Công ty TNHH Công nghệ môi trường Bình Phước Xanh), do đó đã giảm tải được khối lượng rác thải công nghiệp và chất thải nguy hại phát sinh trong và ngoài khu công nghiệp, đồng thời đã giảm thiểu được tác động về môi trường đối với lượng rác thải này. Khu xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện hiện không có, rác thải được thu gom về bãi rác tập trung với diện tích 4.500m<sup>2</sup> tại xã Thành Tâm, huyện Chơn Thành, hiện đang chờ UBND tỉnh phê duyệt đề án xây dựng các nhà máy xử lý rác thải tập trung có tổng công suất đảm bảo xử lý hết nguồn rác thải trên địa bàn tỉnh Bình Phước và đề án quản lý nguồn nước thải, chất thải tại các khu, cụm công nghiệp, đảm bảo tiêu chuẩn xả thải trước khi thải ra môi trường, quy hoạch khu xử lý chất thải rắn cho huyện.

- Đối với các hộ gia đình ở vùng sâu, vùng xa, tuyến thu gom chất thải rắn sinh hoạt chưa thể tiếp cận, UBND huyện chỉ đạo các xã hướng dẫn tổ chức thực hiện cam kết bảo vệ môi trường đến từng hộ dân, trong đó hướng dẫn phương pháp tự xử lý và quy trình tự xử lý để người dân tự thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại nhà. Đối với phương tiện thu gom, vận chuyển: các đơn vị thu gom rác trên địa bàn huyện đã bố trí phương tiện thu gom theo quy định, đối với các xã thuộc vùng sâu, vùng xa, tuyến đường thu gom khó khăn, các đơn vị thu gom rác thải sử dụng phương tiện (xe máy cày; xe ba gác máy...) để thu gom, đưa về các địa điểm trung chuyển phù hợp rồi được xã thu gom đưa về bãi rác tập trung của xã để xử lý.

*\* Về thu gom và xử lý nước thải:*

- Đối với công tác thu gom xử lý nước thải sinh hoạt: Trên địa bàn huyện chưa có hệ thống thu gom xử lý nước thải sinh hoạt tập trung để thu gom xử lý nước thải từ các hộ dân; các hộ dân tự đầu tư xây dựng công trình bể tự hoại để xử lý nước thải phát sinh.

- Đối với công tác thu gom, xử lý chai lọ, bao gói thuốc bảo vệ thực vật đã qua sử dụng: Trên địa bàn Huyện đã lắp đặt 52 bể chứa bao, gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng tại các xã, thị trấn, hàng năm thực hiện được 02 đợt thu gom (thời gian vào tháng 6 và tháng 12) đã hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển chai lọ, bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng đưa về nhà máy xử lý theo đúng quy định đảm bảo vệ sinh môi trường.

- Về rác thải y tế: Rác thải y tế được Trung tâm y tế huyện và các phòng khám tư nhân hợp đồng với các đơn vị có chức năng thực hiện việc thu gom, phân loại, vận chuyển, xử lý đúng theo quy định tại Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT ngày 31/12/2015 của liên Bộ Y tế và Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải y tế.

- *Chỉ tiêu 17.6* - Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch:

Năm 2011, tỷ lệ hộ dân có nhà tiêu hợp vệ sinh đạt 94,27%; tỷ lệ trường học, Trạm y tế có nước và nhà tiêu hợp vệ sinh đạt 100%, về cơ bản đảm bảo 3 sạch đạt mức quy định của vùng.

- *Chỉ tiêu 17.7* - Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường:

Trên địa bàn huyện có khoảng 25 trang trại chăn nuôi quy mô công nghiệp (16 trại heo và 09 trại gà) và khoảng 153 hộ gia đình chăn nuôi nông hộ. Chất thải trong chăn nuôi được xử lý chủ yếu qua hầm biogas, đệm lót sinh học, các chế phẩm xử lý ô nhiễm môi trường đã giảm thiểu ô nhiễm môi trường và lợi ích kinh tế. Qua công tác tuyên truyền, vận động, hỗ trợ và nghiêm khắc xử lý vi phạm trong công tác bảo vệ môi trường, tỷ lệ hộ dân có chuồng trại, gia súc, gia cầm có chất thải phát sinh được xử lý đạt theo tiêu chuẩn quy định. Về cơ bản tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường trên địa bàn huyện đạt mức quy định của vùng (83,2%).

- *Chỉ tiêu 17.8* - Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm:

Đối với công tác an toàn thực phẩm, hằng năm UBND huyện đã xây dựng kế hoạch thực hiện, phối hợp chặt chẽ với MTTQ và các đoàn thể triển khai ký cam kết đến 100% chủ cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm trên địa bàn các xã, ý thức trách nhiệm của người sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng đã được nâng lên, dân đi vào nề nếp, tình trạng sử dụng chất cấm trong chăn nuôi, trong chế biến thực phẩm, lạm dụng thuốc bảo vệ thực vật, phân hóa học đã được kiểm soát; công tác truyền thông về an toàn thực phẩm đã được chú trọng, việc phổ biến pháp luật, kỹ năng sản xuất, lựa chọn sản phẩm an toàn thực phẩm được thực hiện thường xuyên. Việc xây dựng các chuỗi sản phẩm an toàn, chợ an toàn thực phẩm, cửa hàng an toàn thực phẩm đang được tiến hành, đến nay tất cả 08 xã đạt tiêu chí an toàn thực phẩm theo tiêu chí của Trung ương. Hiện

Tổng số hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm: có 522/522 hộ đạt 100%.

**Đánh giá mức độ đạt tiêu chí:** 02/02 xã đạt Tiêu chí số 17 về Môi trường và An toàn thực phẩm.

*(Phụ lục số 17 - Kết quả thực hiện Tiêu chí về Môi trường và An toàn thực phẩm)*

**3.5. Xây dựng hệ thống tổ chức chính trị xã hội vững mạnh và tiếp cận pháp luật**

### a) Về xây dựng hệ thống tổ chức chính trị xã hội vững mạnh

\* **Cán bộ đạt chuẩn:** Hệ thống chính trị ở các xã đã được củng cố đủ các chức danh cán bộ, công chức, những người hoạt động không chuyên trách; có các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội cấp xã và Ban công tác mặt trận, đoàn thể ở các ấp.

Kết quả, đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã đều đạt chuẩn cả về chuyên môn và trình độ chính trị, đảm bảo đạt 100% yêu cầu đề ra.

\* **Tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở:** Các xã có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở như: Tổ chức Đảng, Chính quyền, Đoàn thể chính trị - xã hội từ huyện đến ấp. Trong những năm qua, Đảng bộ, chính quyền các xã đạt danh hiệu hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, năm 2020 có 8/8 Đảng bộ xã đạt “Trong sạch, vững mạnh” và các tổ chức đoàn thể chính trị của xã đều đạt danh hiệu tiên tiến trở lên.

\* **Về tiếp cận pháp luật:** Năm 2020, 8/8 xã đã được Chủ tịch UBND huyện ban hành Quyết định công nhận xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

\* Tỷ lệ nữ trong cấp ủy đạt chuẩn theo quy định (đạt từ 15% trở lên); 100% xã có phụ nữ thuộc hộ nghèo, phụ nữ khuyết tật được tạo điều kiện vay vốn ưu đãi từ chương trình, không phát hiện các trường hợp tảo hôn, cưỡng ép kết hôn, bạo lực gia đình. 100% số xã, thị trấn đều có các chuyên mục tuyên truyền về bình đẳng giới trên hệ thống truyền thanh xã, bình quân từ 02 chuyên mục/tháng trở lên. 100% số xã, thị trấn đều có quyết định thành lập hoặc công nhận địa chỉ tin cậy, nhà tạm lánh tại cộng đồng đặt tại Trạm Y tế đảm bảo theo quy định. đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình, bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội.

**Đánh giá mức độ đạt tiêu chí:** 08 xã đạt Tiêu chí số 18 về Hệ thống chính trị và Tiếp cận pháp luật.

*(Phụ lục số 18 - Kết quả thực hiện Tiêu chí về Hệ thống chính trị và Tiếp cận pháp luật)*

## 3.6 Về Quốc phòng – An ninh

### a) Quốc phòng

Đây là nhiệm vụ, tiêu chí được huyện đặc biệt quan tâm, Ban Chỉ huy quân sự các xã đã làm tốt vai trò, chức năng tham mưu cho Đảng ủy, UBND các xã trong việc tổ chức, quán triệt, triển khai các Nghị quyết, Chỉ thị, Nghị định của Đảng, Nhà nước, Bộ Quốc phòng và các cấp. Ban hành các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt nhiệm vụ quân sự, quốc phòng địa phương. Xây dựng lực lượng Dân quân tự vệ đạt 100% chỉ tiêu trên giao, chất lượng lãnh đạo lực lượng Dân quân tự vệ và độ tin cậy về chính trị ngày được nâng cao, hoàn thành chương trình huấn luyện theo chỉ tiêu trên giao. Hàng năm, đều hoàn thành 100% chỉ tiêu giao quân ở cả hai cấp huyện và xã.

Ban CHQS các xã thường xuyên công tác nắm chắc tình hình địa bàn và duy trì tốt các chế độ trực, lực lượng trực ở đơn vị, đảm bảo tốt công tác sẵn sàng chiến đấu. Kết hợp chặt chẽ giữa công tác xây dựng lực lượng quân báo trình sát với việc tổ chức lực lượng dân quân năm hộ dân để từ đó phối hợp với các ngành chức năng của các xã, nắm chắc tình hình an ninh chính trị - trật tự an toàn xã hội trên địa bàn các xã, kịp thời tham mưu cho cấp uỷ - chính quyền địa phương trong xử trí các tình huống kịp thời, chính xác, không để xảy ra bất ngờ, bị động. Ngoài ra, hàng năm lực lượng vũ trang các xã còn tổ chức lực lượng và phương tiện sẵn sàng ứng phó có hiệu quả với các tình huống thiên tai bão lụt xảy ra trên địa bàn các xã theo yêu cầu nhiệm vụ được giao.

Thực hiện phối hợp chặt chẽ giữa Ban CHQS các xã với Công an các xã trong tổ chức tuần tra, kiểm tra làm trong sạch địa bàn giữ vững ổn định an ninh chính trị - trật tự an toàn xã hội trên địa bàn các xã trong các ngày cao điểm, lễ, tết trong năm đạt hiệu quả cao.

### **b) An ninh**

Đảng uỷ, UBND các xã, đã chủ động thực hiện tốt công tác an ninh, trật tự. Hàng năm có Nghị quyết, kế hoạch về công tác đảm bảo an ninh, trật tự, chỉ đạo tổ chức thực hiện có hiệu quả công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ Quốc. Công an các xã đã chủ động xây dựng chương trình công tác năm nhằm cụ thể hóa Nghị quyết của Đảng uỷ và kế hoạch của UBND các xã. Đồng thời, triển khai thực hiện đầy đủ các chương trình, kế hoạch của Công an tỉnh, Công an huyện về việc đảm bảo an ninh chính trị - trật tự an toàn xã hội trên từng địa bàn.

Công tác đấu tranh, ngăn chặn và đẩy lùi các loại tội phạm, tệ nạn xã hội, bảo đảm an toàn, an ninh, trật tự xã hội địa bàn nông thôn được thực hiện thường xuyên, an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội ổn định, không xảy ra các vụ việc khiếu kiện đông người phức tạp, vi phạm pháp luật về trật tự xã hội được kiểm chế, giảm qua hàng năm. Phong trào toàn dân bảo vệ ANTT hoạt động được sâu rộng, người dân tích cực tham gia đấu tranh phòng, chống tội phạm, tin báo tố giác tội phạm ngày càng nhiều, đóng góp tích cực trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm giữ gìn TTATXH ở địa phương.

Các xã đã thực hiện tốt cuộc vận động “Vì bình yên cuộc sống, từng người, từng nhà từng cơ quan đơn vị hãy làm nhiều việc tốt về ANTT”, xây dựng khu dân cư an toàn về ANTT, xây dựng các mô hình tự quản về ANTT ở khu dân cư. Các mô hình tự quản về ANTT được các xã xây dựng và hoạt động có hiệu quả; điển hình như mô hình “Câu lạc bộ phụ nữ tham gia phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội”; các “Tổ truyền tự quản”, “Tổ an ninh công nhân”, “Hội CCB cảm hóa, giúp đỡ người vi phạm làm lỗi”; UBND huyện đã chỉ đạo các phòng, ngành, đoàn thể cấp huyện, UBND các xã, thị trấn triển khai xây dựng mô hình “Camera với ANTT” tại các xã, thị trấn; 100% các xã và các Khu công nghệ đều có hệ thống camera giám sát an ninh.

**\* Đánh giá mức độ đạt tiêu chí:** 08/08 xã đạt Tiêu chí số 19 về An ninh và Quốc phòng.

(Phụ lục số 19 - Kết quả thực hiện tiêu chí về An ninh và Quốc phòng)

#### **4. Kết quả thực hiện các tiêu chí huyện nông thôn mới**

##### **\* Tiêu chí số 1 về Quy hoạch**

Huyện Chơn Thành đang trong quá trình xây dựng đề án thành lập thị xã Chơn Thành, do đó, thay vì lập quy hoạch vùng, huyện đã lập quy hoạch chung đô thị Chơn Thành trong năm 2019, quy hoạch đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2892/QĐ-UBND ngày 31/12/2019.

**Đánh giá mức độ đạt tiêu chí:** Đạt yêu cầu bộ tiêu chí huyện đạt chuẩn nông thôn mới

##### **\* Tiêu chí số 2 về Giao thông**

**\* Đường bộ:** Đường huyện quản lý có 15 tuyến với tổng chiều dài 102,36km; đã thực hiện nhựa hoá, bê tông hoá được 13 tuyến với 82,36/102,36km, còn lại 02 tuyến – 20 km đang chuẩn bị đầu tư, xây dựng; tỷ lệ nhựa hoá đường huyện tăng 86% so với năm 2011 (năm 2011 tỷ lệ nhựa hoá, bê tông hóa đường huyện 14,38km/102,36km, tỷ lệ 14%).

Có 100% km đường huyện do huyện quản lý được bảo trì hàng năm đều được thực hiện duy tu, sửa chữa hàng năm đảm bảo an toàn giao thông, vệ sinh môi trường và đảm bảo xe ô tô đi lại thuận tiện quanh năm.

Hệ thống cầu công trên các tuyến đường huyện được xây dựng kiên cố, phù hợp với cấp đường theo quy hoạch. Trên các tuyến đường huyện hiện hữu có 06 cầu, hệ thống cầu đã được thực hiện đầu tư xây dựng bằng bê tông cốt thép kiên cố, phù hợp theo cấp kỹ thuật của đường.

Bên cạnh đó, huyện đã chỉ đạo tổ chức thực hiện và nhân rộng mô hình đường giao thông nông thôn kiểu mẫu tại địa bàn các xã theo thiết kế đường bê tông xi măng, có gấn đèn đường, camera an ninh, treo cờ, trồng hoa hai bên đường tạo cảnh quan, môi trường trên các tuyến đường, cũng như trong khu dân cư, tổng số km đã thực hiện 25km.

**\* Vận tải:** Bến xe huyện Chơn Thành hiện có tại ngã tư Chơn Thành, có diện tích 1.108.9 m<sup>2</sup>, diện tích nhỏ, chưa đạt tiêu chuẩn bến xe loại 4. Theo quy hoạch chung đô thị Chơn Thành, Bến xe dự kiến sẽ được quy hoạch trong khu Dân cư đô thị và TMDV Suối Đồi, diện tích khoảng 1.5 ha.

**Đánh giá mức độ đạt tiêu chí:** Đạt yêu cầu bộ tiêu chí huyện đạt chuẩn nông thôn mới

##### **\* Tiêu chí số 3 về Thủy lợi**

Với đặc điểm địa hình tương đối bằng phẳng, sản xuất nông nghiệp chủ yếu là cây công nghiệp lâu năm, cây ăn trái, sử dụng nước ngầm, nước sông, suối tự nhiên để tưới đáp ứng đủ cho nhu cầu sản xuất. Toàn bộ diện tích cây trồng trên địa bàn đã được tưới, tiêu chủ động (tưới chủ động là 2.302 ha, đạt 100%, tiêu chủ

động là 3.893,68 ha, đạt 100%), từ thực tế nêu trên, huyện đã không đầu tư xây dựng hệ thống thủy lợi phục vụ cho công tác tưới, tiêu.

Ngoài ra, trên địa bàn có Hồ thủy lợi Phước Hòa nằm trên địa bàn xã Nha Bích, Minh Thành, Minh Thắng, được sử dụng để cung cấp nước dân sinh và các khu công nghiệp, tiếp nước cho Hồ Dầu Tiếng, công trình được quản lý, khai thác có hiệu quả, đảm bảo điều hòa phân phối nước cân bằng, hợp lý.

Huyện đã kiện toàn Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và phân công nhiệm vụ phụ trách địa bàn cho từng thành viên để chủ động, kịp thời hỗ trợ, ứng phó, khắc phục hậu quả khi có thiên tai xảy ra. Toàn huyện có 8/8 xã đạt tiêu chí về thủy lợi.

**Đánh giá mức độ đạt tiêu chí:** Đạt yêu cầu bộ tiêu chí huyện đạt chuẩn nông thôn mới

**\* Tiêu chí số 4 về Điện**

100% các tuyến đường dây trung áp, trạm biến áp, đường dây trung hạ thế và được ngành điện đầu tư, cải tạo, sửa chữa thường xuyên đảm bảo lưới điện vận hành an toàn, cung cấp điện liên tục, chất lượng đạt yêu cầu kỹ thuật của ngành điện.

Hiện nay, hệ thống điện liên xã đồng bộ với hệ thống điện các xã theo quy hoạch, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của cả hệ thống, phục vụ tốt, đáp ứng được yêu cầu cho sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, đời sống của người dân.

**Đánh giá mức độ đạt tiêu chí:** Đạt yêu cầu bộ tiêu chí huyện đạt chuẩn nông thôn mới

**\* Tiêu chí số 5 về Văn hóa - Y tế - Giáo dục**

**Về Y tế:**

- Trung tâm Y tế huyện đạt tiêu chuẩn bệnh viện hạng III theo quy định của Bộ Y tế. Tổng số giường bệnh tuyến huyện là 120 giường, khối trạm y tế xã 45 giường với đội ngũ cán bộ viên chức y tế là 156 người, hàng năm thực hiện tốt công tác khám chữa bệnh, thực hiện được 137.289 lượt khám bệnh năm 2020, công suất sử dụng giường bệnh năm 2020 đạt 54,2%, tăng 3,7% so với năm 2011 (năm 2011 công suất sử dụng giường bệnh đạt 50,5%).

Trung tâm Y tế huyện, thực hiện nhiệm vụ chuyên môn về hoạt động y tế dự phòng và các chương trình mục tiêu quốc gia về Y tế đều được triển khai kịp thời. Đội ngũ cán bộ y tế nhiệt tình, năng động, có tinh thần trách nhiệm cao trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao, hoàn thành các chỉ tiêu đề ra trên các mặt hoạt động khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân và phòng chống dịch, bệnh. Công tác truyền thông giáo dục sức khỏe được tăng cường, cung cấp nhiều tin, bài giúp truyền đạt thông tin về sức khỏe đến người dân trên địa bàn xã về lợi ích của việc chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân. Thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình, phòng chống suy dinh dưỡng trẻ dưới 5 tuổi đạt và vượt chỉ tiêu đề ra.

Công tác xây dựng xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế luôn được huyện quan tâm hàng đầu, đưa vào mục tiêu kế hoạch tổ chức thực hiện hàng năm và luôn đạt, vượt kế hoạch chỉ tiêu đề ra.

### **Về Văn hóa**

Trung Tâm Văn hóa – Thể thao huyện Chơn Thành với diện tích hơn 32.000m<sup>2</sup>, trong đó diện tích xây dựng là 4.027,15m<sup>2</sup>, bao gồm: Nhà thi đấu đa năng, võ đài, sân bóng đá, bóng chuyền, cầu lông, bóng rổ, sân chạy điền kinh... và các công trình phụ trợ khác đảm bảo tổ chức và phục vụ hoạt động văn hóa, thể thao trên địa bàn.

Bộ máy tổ chức và biên chế có 10 biên chế đảm bảo trình độ chuyên môn. Cơ sở vật chất, trang thiết bị đảm bảo theo quy định.

Thường xuyên tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, tuyên truyền cổ động, tổ chức các cuộc liên hoan, hội thi, hội diễn, các giải thi đấu cấp huyện và tham gia các hội thi, hội diễn văn nghệ do tỉnh tổ chức. Thực hiện có hiệu quả hoạt động thư viện điện tử, phối hợp thư viện tỉnh luân chuyển sách báo các trường học phục vụ tốt nhu cầu đọc sách và tra cứu thông tin của nhân dân. Phong trào văn hóa, thể dục thể thao quần chúng của huyện ngày càng phát triển, thu hút các tầng lớp nhân dân tham gia và luyện tập. Các phong trào thể dục, thể thao trong trường học, lực lượng vũ trang, cơ quan đơn vị ngày càng được nâng cao, chỉ tiêu cơ bản hoàn thành qua từng năm. Cụ thể: Số người tập luyện TDTT thường xuyên năm 2015 là 24% tăng lên 30% vào năm 2020. Số hộ đạt tiêu chuẩn gia đình thể thao năm 2015 là 16%, tăng lên 19% vào năm 2020.

Hàng năm Trung tâm Văn hóa-Thể thao đều xây dựng kế hoạch và tổ chức các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao kết nối với các xã, thị trấn trên địa bàn huyện góp phần phát triển phong trào trong toàn huyện.

Những kết quả nổi bật trong 05 năm qua: Trung tâm Văn hóa-Thể thao huyện đã xây dựng hơn 30 chương trình thông tin lưu động và tổ chức hơn 400 buổi biểu diễn văn hóa, văn nghệ, hơn 20 hội thi hội diễn văn nghệ quần chúng cấp huyện. Tổ chức được hơn 32 giải thi đấu thể thao thu hút được hơn 2.000 vận động viên tham gia. Tích cực tham gia đầy đủ các đợt liên hoan và chương trình văn hóa văn nghệ do tỉnh tổ chức, đồng thời đạt các giải có thứ hạng cao.

### **Về Giáo dục**

-Trên địa bàn huyện hiện có 03 trường công lập: THPT Chơn Thành, THPT Chu Văn An, THCS – THPT Nguyễn Bình Khiêm được đầu tư xây dựng, đảm bảo việc giảng dạy học, cụ thể như sau:

+ Trường THPT Chơn Thành: Có diện tích 19.996 m<sup>2</sup>, gần 900 học sinh, 25 phòng học, 12 phòng hiệu bộ, 09 phòng chức năng, 01 nhà thi đấu đa năng. Đã được công nhận kiểm định chất lượng giáo dục và chuẩn quốc gia mức độ 3 giai đoạn 2018 – 2023.

+ Trường THPT Chu Văn An: Có diện tích 19.914 m<sup>2</sup>, gần 850 học sinh, 25 lớp, 10 phòng hiệu bộ, 06 phòng chức năng. Nhà trường đã tiến hành thực hiện công

tác đánh giá ngoài, cơ bản đảm bảo các tiêu chuẩn và tiêu chí kiểm định chất lượng giáo dục và chuẩn quốc gia. Tuy nhiên hiện nay, trường đang thiếu Nhà thi đấu đa năng, cần bổ sung 36 máy tính. Căn cứ Thông báo số 686/TB-UBND ngày 30/11/2020 của UBND tỉnh về ”Kết luận của Chủ tịch UBND tỉnh Trần Tuệ Hiền tại buổi làm việc với UBND huyện Chơn Thành về tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và ngân sách nhà nước năm 2020; các chương trình, dự án trọng điểm trên địa bàn huyện, ngày 19/11/2020”, phân vốn đầu tư nhà thi đấu đa năng Trường Chu Văn An, đã giao Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu UBND tỉnh cân đối, điều chuyển trong tổng vốn tỉnh giao cho huyện Chơn Thành trong năm 2021.

+ Trường Cấp II-III Nguyễn Bình Khiêm: Có diện tích 33.000 m<sup>2</sup>, gần 716 học sinh, 18 lớp, 06 phòng chức năng. Nhà trường đã tiến hành thực hiện công tác đánh giá ngoài, cơ bản đảm bảo các tiêu chuẩn và tiêu chí kiểm định chất lượng giáo dục và chuẩn quốc gia. Hiện trường đã được Sở Giáo dục và Đào tạo phê duyệt xây dựng khu hiệu bộ, nhà thi đấu đa năng, dự kiến đầu năm 2022 hoàn thành, sẽ tiến hành công tác kiểm định chất lượng giáo dục và chuẩn quốc gia vào năm 2022.

- Như vậy, so với qui định, mới chỉ có 01/03 trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục và chuẩn quốc gia, chiếm tỷ lệ 33,3%, 01 trường đã được giao vốn đầu tư cơ sở vật chất để đạt chuẩn.

**Đánh giá mức độ đạt tiêu chí:** Đạt yêu cầu bộ tiêu chí huyện đạt chuẩn nông thôn mới

#### **\* Tiêu chí số 6 về Sản xuất**

Huyện đã hình thành được các vùng sản xuất trồng trọt tập trung đối với các cây trồng chủ lực, có lợi thế của huyện, mang lại hiệu quả kinh tế cao như: Cao su (24.012 ha); Cây ăn trái (1.054 ha). Toàn huyện có 62 trang trại chăn nuôi heo, gà áp dụng công nghệ cao, xử lý, kiểm soát và sử dụng có hiệu quả chất thải chăn nuôi.

Kinh tế trang trại, kinh tế tập thể đã phát triển và hình thành các chuỗi giá trị trong sản xuất như: Sản xuất rau an toàn theo liên kết chuỗi của hợp tác xã rau an toàn Minh Hưng có liên kết đầu ra với các cửa hàng thực phẩm trên địa bàn; các trang trại chăn nuôi gia công heo, gà có liên kết với các Công ty CP, CJ...; Hợp tác xã măng tre Thành Tâm với hệ thống sản xuất, sấy sản phẩm hiện đại liên kết đầu ra với chợ đầu mối tại thành phố Hồ Chí Minh... Đã có 04 hợp tác xã như: HTX măng tre Thành Tâm, HTX cây ăn trái Minh Long, HTX cây ăn trái Minh Thắng, Hợp tác xã Rau an toàn Minh Hưng có sản phẩm được chứng nhận VietGAP.

Huyện có 01 sản phẩm yến sào của Công ty Yến Sào Nam Phú có sản phẩm OCOP được chứng nhận 3 sao.

**Đánh giá mức độ đạt tiêu chí:** Đạt yêu cầu bộ tiêu chí huyện đạt chuẩn nông thôn mới

#### **\* Tiêu chí số 7 về Môi trường**

##### **Chỉ tiêu 7.1 Hệ thống thu gom, xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện**



- Công tác thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt: Hiện trên địa bàn huyện có 04 đơn vị thu gom xử lý rác thải sinh hoạt, các trường hợp thu gom đều là xã hội hóa (trước đây do Đội Quản lý Đô thị huyện thực hiện việc thu gom, tuy nhiên sau tháng 10/2020 đã ngừng không còn hoạt động thu gom xử lý rác thải sinh hoạt), việc thu gom rác thải sinh hoạt chỉ được thực hiện tại 08/09 xã, thị trấn có dân cư tập trung và giao thông thuận lợi, rác sinh hoạt được thu gom vận chuyển bằng xe chuyên dụng được tập kết về bãi rác của huyện và xã sau đó xử lý bằng biện pháp chôn lấp hoặc đốt; các xã còn lại và các khu vực chưa có đơn vị thu gom do các hộ dân tự thu gom xử lý bằng biện pháp đốt hoặc chôn lấp tại nhà. Đối với các khu dân cư, điểm dân cư, khu vực tập kết rác sinh hoạt đã trang bị thùng chứa rác và hướng dẫn hộ dân tự phân loại rác tại nguồn, tận dụng triệt để rác hữu cơ để làm phân bón.

- Công tác thu gom, xử lý rác thải tại bãi rác: Tăng cường xử lý bằng chế phẩm sinh học để hạn chế mùi hôi và diệt côn trùng, nhất là trong thời điểm giao mùa. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của chính quyền địa phương và cơ quan chức năng trong việc yêu cầu đơn vị thu gom, vận chuyển xử lý rác đúng quy trình kỹ thuật, đảm bảo vệ sinh môi trường.

- Công tác thu gom xử lý đối chất thải rắn công nghiệp và nguy hại tại các KCN trên địa bàn huyện: Hiện trên địa bàn huyện đã có 01 nhà máy xử lý rác thải công nghiệp và rác thải nguy hại tại xã Minh Lập, do đó đã giảm tải được khối lượng rác thải công nghiệp và chất thải nguy hại phát sinh trong và ngoài khu công nghiệp, đồng thời đã giảm thiểu được tác động về môi trường đối với lượng rác thải này. Khu xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện hiện không có, rác thải được thu gom về bãi rác tập trung, hiện đang chờ UBND tỉnh phê duyệt đề án xây dựng các nhà máy xử lý rác thải tập trung có tổng công suất đảm bảo xử lý hết nguồn rác thải trên địa bàn tỉnh Bình Phước và đề án quản lý nguồn nước thải, chất thải tại các khu, cụm công nghiệp, đảm bảo tiêu chuẩn xả thải trước khi thải ra môi trường, quy hoạch khu xử lý chất thải rắn cho huyện.

- Đối với công tác thu gom xử lý nước thải sinh hoạt: Trên địa bàn huyện chưa có hệ thống thu gom xử lý nước thải sinh hoạt tập trung để thu gom xử lý nước thải từ các hộ dân; các hộ dân tự đầu tư xây dựng công trình bể tự hoại để xử lý nước thải phát sinh.

- Đối với công tác thu gom, xử lý chai lọ, bao gói thuốc bảo vệ thực vật đã qua sử dụng: Trên địa bàn Huyện đã lắp đặt 52 bể chứa bao, gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng tại các xã, thị trấn, hàng năm thực hiện được 02 đợt thu gom (thời gian vào tháng 6 và tháng 12) đã hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển chai lọ, bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng đưa về nhà máy xử lý theo đúng quy định đảm bảo vệ sinh môi trường.

- Về rác thải y tế: Rác thải y tế được Trung tâm y tế huyện và các phòng khám tư nhân hợp đồng với các đơn vị có chức năng thực hiện việc thu gom, phân loại, vận chuyển, xử lý đúng theo quy định tại Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT ngày 31/12/2015 quy định về quản lý chất thải y tế.

**Chỉ tiêu 7.2 Cơ sở sản xuất, chế biến, dịch vụ (công nghiệp, chăn nuôi, chế biến lương thực, thực phẩm) thực hiện đúng các quy định về bảo vệ môi trường.**

Hiện trên địa bàn huyện Chơn Thành có 726 tổ chức, cơ sở, hộ gia đình hoạt động sản xuất kinh doanh, thu mua chế biến nông sản thực phẩm, chăn nuôi giết mổ gia súc, gia cầm đã chấp hành đúng các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường có hồ sơ môi trường gồm: cam kết bảo vệ môi trường, đề án bảo vệ môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường, giấy đăng ký đạt tiêu chuẩn bảo vệ môi trường đạt tỷ lệ 100%.

Nhìn chung công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực môi trường và việc chấp hành pháp luật bảo vệ môi trường của các tổ chức, cơ sở, doanh nghiệp, hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn huyện được các cấp, các ngành và toàn xã hội quan tâm. Công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực bảo vệ môi trường ngày càng đi vào nề nếp, đã và đang mang lại những kết quả nhất định: hoạt động tuyên truyền, nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm về bảo vệ môi trường của người dân và cộng đồng. Công tác thẩm định môi trường, kiểm tra, xác nhận công trình bảo vệ môi trường trước khi dự án đi vào hoạt động đã được thực hiện có chiều sâu; đã thực hiện rà soát, đánh giá, phân loại các nguồn gây ô nhiễm, tác động xấu lên môi trường trong đó tập trung vào các ngành có nguy cơ gây ô nhiễm trên địa bàn huyện; công tác kiểm tra và xử lý những vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ môi trường được tăng cường... Do đó, đã tạo bước chuyển biến tích cực về nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật về môi trường của cộng đồng, tổ chức, doanh nghiệp; giảm dần số lượng và mức độ tác động của các nguồn hiện đang có nguy cơ gây ô nhiễm, tác động xấu lên môi trường; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom tăng lên trong năm qua; chất thải nguy hại phát sinh tại doanh nghiệp được quản lý tốt hơn thông qua việc kiểm soát nguồn phát thải, thu gom, lưu giữ, vận chuyển và xử lý; một số doanh nghiệp sản xuất ngành nghề có nguy cơ ô nhiễm cao cũng đã đầu tư xây dựng công trình, biện pháp xử lý đạt hiệu quả tương đối cao.

**Đánh giá mức độ đạt tiêu chí:** Đạt yêu cầu bộ tiêu chí huyện đạt chuẩn nông thôn mới

**\*Tiêu chí số 8 về An ninh trật tự xã hội**

Hàng năm, Huyện ủy xây dựng Nghị quyết, UBND huyện ban hành kế hoạch về công tác đảm bảo an ninh, trật tự, chỉ đạo thực hiện có hiệu quả xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc. Công an huyện đã triển khai các biện pháp nghiệp vụ, chủ động nắm tình hình, thực hiện có hiệu quả công tác phòng ngừa, đấu tranh, trấn áp mạnh mẽ các loại tội phạm, tệ nạn xã hội. Lực lượng công an từ huyện đến xã đã phát huy vai trò tham mưu cấp ủy, chính quyền chỉ đạo tổ chức huy động sức mạnh của cả hệ thống chính trị và toàn dân tham gia bảo vệ an ninh, trật tự.

Trên địa bàn huyện, phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc đã được sự quan tâm của các cấp ủy Đảng, chính quyền, các ngành, các cấp và được sự hưởng ứng tích cực của các tầng lớp nhân dân, có sự gắn kết giữa phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc với công tác xây dựng nông thôn mới; thường xuyên xây dựng,

củng cố, phát triển lực lượng dân phòng, tổ an ninh nhân dân... Công tác xây dựng phong trào đã góp phần quan trọng nhằm nâng cao cảnh giác, phát huy tính chủ động của các tầng lớp nhân dân trong công tác đảm bảo an ninh trật tự.

Từ năm 2011 đến 2020, trên địa bàn huyện chưa phát hiện trường hợp có hành vi chống Đảng, chống chính quyền, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc, phá hoại các mục tiêu, công trình kinh tế, văn hóa – xã hội, an ninh, quốc phòng. Không để xảy ra các hoạt động tuyên truyền, phát triển đạo trái pháp luật, hoạt động ly khai, đòi tự trị, gây rối an ninh trật tự, mâu thuẫn, tranh chấp phức tạp trong nội bộ nhân dân, khiếu kiện đông người, vượt cấp, đình công trái pháp luật...

Không có các tụ điểm phức tạp về trật tự xã hội, các loại tội phạm, tệ nạn xã hội và vi phạm pháp luật khác được kiểm chế, giảm so với các năm liền kề trước.

Lực lượng công an, quân sự huyện hàng năm hoàn thành tốt nhiệm vụ đảm bảo an ninh, trật tự địa phương. Trong 5 năm gần đây, Công an huyện được Công an tỉnh tặng danh hiệu “Đơn vị quyết thắng” năm 2016, 2018, 2019, 2020, được Bộ Công an tặng cờ thi đua “Vì an ninh tổ quốc” năm 2017. Ban chỉ huy Quân sự huyện 5 năm liền được Bộ Tư lệnh Quân khu 7 tặng danh hiệu “Đơn vị Quyết thắng”.

**Đánh giá mức độ đạt tiêu chí:** Đạt yêu cầu bộ tiêu chí huyện đạt chuẩn nông thôn mới

#### **\* Tiêu chí số 9 về Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới**

**Ban chỉ đạo Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới huyện:** Ngay từ khi bắt đầu triển khai thực hiện chương trình, UBND huyện đã thành lập Ban chỉ đạo chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới huyện để giúp việc UBND huyện trong suốt quá trình triển khai chương trình, đến nay Ban chỉ đạo thường xuyên kiện toàn và hiện có 43 thành viên. Ban chỉ đạo đã được UBND huyện ban hành quy chế hoạt động, trong đó phân công trách nhiệm cụ thể, phân công phụ trách từng tiêu chí, từng địa bàn đối với các thành viên Ban Chỉ đạo huyện. Các phòng ban được Ban chỉ đạo huyện phân công phụ trách từng tiêu chí, chỉ tiêu chủ động xây dựng kế hoạch và phối hợp cùng UBND các xã tổ chức triển khai để đạt theo kế hoạch chung của huyện đề ra trong từng năm. Thành viên Ban chỉ đạo huyện đã thực hiện tốt công tác phối hợp với UBND các xã, để đánh giá, rà soát tình hình thực hiện Chương trình, xác định các tiêu chí chưa hoàn thành, các hạng mục cần đầu tư, kịp thời tham mưu UBND huyện, Huyện ủy chỉ đạo các ngành huyện, cũng như đề xuất tinh tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc, hỗ trợ các địa phương hoàn thành các tiêu chí nông thôn mới.

Trong các năm qua, Ban Chỉ đạo huyện đã làm tốt công tác tham mưu UBND huyện trong chỉ đạo, quản lý, điều hành, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện các nội dung của Chương trình trên địa bàn huyện, đảm bảo kịp thời, hiệu quả, đúng theo quy định, hướng dẫn của Trung ương, UBND tỉnh.

Sau khi các xã được công nhận đạt chuẩn, Ban chỉ đạo đã chỉ đạo, hướng dẫn các xã xây dựng ngay kế hoạch tiếp tục duy trì, giữ vững, nâng cao chất lượng các tiêu chí đã đạt, từng bước thực hiện các tiêu chí nông thôn mới nâng cao theo

Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao của tỉnh, đến nay đã có 01 xã Minh Hưng được UBND tỉnh công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

**Văn phòng Điều phối nông thôn mới huyện:** Thực hiện quy định của Trung ương tại Quyết định số 1920/QĐ-TTg ngày 05/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ, năm 2016, huyện đã thành lập Văn phòng Điều phối nông thôn mới huyện do đồng chí Phó chủ tịch UBND huyện làm Chánh văn phòng, Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn làm cơ quan thường trực, ban hành quy chế hoạt động, giao trách nhiệm cụ thể cho từng thành viên. Sau khi được thành lập, Văn phòng nông thôn mới huyện đã phối hợp các phòng, ban ngành của huyện và sự hỗ trợ, hướng dẫn của tỉnh, đã thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ giúp việc cho Ban chỉ đạo huyện quản lý và tổ chức thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn

**Đánh giá mức độ đạt tiêu chí:** Đạt yêu cầu bộ tiêu chí huyện đạt chuẩn nông thôn mới

### **5. Tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản của Chương trình.**

Qua 10 năm triển khai thực hiện chương trình, 100% dự án đầu tư xây dựng cơ bản của chương trình đều được thực hiện theo đúng quy trình, thủ tục của Luật đầu tư công. Đến ngày 31/12/2020 huyện Chơn Thành “**Không có nợ đọng xây dựng cơ bản của Chương trình xây dựng nông thôn mới**”.

## **PHẦN THỨ HAI KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ**

### **I. KẾT LUẬN**

#### **1. Về hồ sơ**

Hồ sơ đề nghị xét công nhận **huyện Chơn Thành đạt chuẩn huyện nông thôn mới đã được UBND huyện Chơn Thành** hoàn thành đầy đủ, đúng trình tự, đủ thủ tục. Hồ sơ đã được Văn phòng Điều phối CT MTQG XD NTM tỉnh tiếp nhận, thẩm tra, đánh giá đảm bảo theo đúng quy định của Quyết định số 2540/QĐ-TTg ngày 30/12/2016.

#### **2. Về kết quả xây dựng nông thôn mới**

Qua kết quả tự đánh giá của UBND **huyện Chơn Thành**, kết quả thẩm tra, xác nhận mức độ đạt chuẩn của từng tiêu chí do các Sở, ngành tỉnh phụ trách và kết quả thẩm tra của Đoàn thẩm tra tỉnh đã đánh giá, kết luận **huyện Chơn Thành** đạt chuẩn huyện nông thôn mới theo đúng quy định tại Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 05/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành tiêu chí huyện nông thôn mới và quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

### **II. KIẾN NGHỊ**

Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước kính đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ công nhận huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước **đạt chuẩn huyện nông thôn mới** năm 2020./.

***Nơi nhận:***

- Bộ Nông nghiệp & PTNT;
- Ban Chỉ đạo TW các CTMTQG;
- Văn phòng Điều phối NTM Trung ương;
- TT TU, TT HĐND tỉnh; UB MTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT;
- Thành viên BCĐ các CTMTQG tỉnh;
- Sở NN và PTNT;
- UBND huyện Chơn Thành;
- VPĐP NTM tỉnh (5b);
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- LĐVP, P.KT;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**